

ỨNG DỤNG PHẦN MỀM CÔNG NGHỆ GIÚP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY VÀ HỌC KĨ NĂNG NÓI CHO SINH VIÊN NĂM THỨ HAI, KHOA TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

NGÔ THỊ THANH THẢO*

Abstract: The purpose of this study is to identify the difficulties second-year English major students face in learning speaking skill 4 and the obstacles they encounter in seeking and applying technology in their learning process. The study data were collected from 126 second-year students of English through an online survey consisting of 19 questions. The study used quantitative methods combined with analytical and statistical techniques. The study results showed that students appreciated the role of technology in the learning process. However, the study also showed some difficulties in vocabulary, pronunciation, grammar, listening comprehension skills, and students' lack of confidence when learning speaking skills 4. Some suggestions for applying technology to improve the teaching and learning of speaking skills 4 were given in the study.

Keywords: *technology, speaking skill 4, difficulties, solutions.*

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, việc áp dụng công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng đã không còn xa lạ đối với giáo viên và người học. Công nghệ giúp quá trình dạy và học trở nên dễ dàng, linh hoạt và hiệu quả hơn. Trên thực tế, người học có thể tiếp cận các bài giảng trực tuyến, nguồn tài liệu tham khảo ở mọi lúc, mọi nơi. Giáo viên có thể dễ dàng hơn trong việc thiết kế bài giảng, bài tập cho người học. Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội luôn khuyến khích giảng viên và sinh viên (SV) áp dụng công nghệ trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, một số SV năm thứ hai, chuyên ngành tiếng Anh còn gặp khó khăn trong việc tìm và áp dụng những công nghệ phù hợp trong quá trình học tiếng Anh nói chung và học kĩ năng nói nói riêng. Bài viết tìm hiểu những khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình học kĩ năng nói, từ đó đề xuất các giải pháp áp dụng công nghệ giúp SV cải thiện và nâng cao kĩ năng nói.

2. Tổng quan và cơ sở lí thuyết

2.1. Tổng quan

Có rất nhiều nghiên cứu về việc áp dụng công nghệ trong dạy và học tiếng Anh. Trong công trình *Modern technologies and mobile apps in developing speaking skill*, Eshankulovna [10] đã nêu bật tầm quan trọng của việc áp dụng công nghệ hiện đại và các ứng dụng di động như phòng thí nghiệm truyền thông; Internet; phần mềm nhận dạng giọng nói trong việc phát triển và nâng cao kĩ năng nói tiếng Anh như một ngoại ngữ hay ngôn ngữ thứ hai. Nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng công nghệ mang lại cơ hội học tập cho người học và lấy người học làm trung tâm với các phương pháp có thể tiếp cận rộng rãi. Trong luận văn *Hiệu quả của việc sử dụng ứng dụng ELSA trong việc cải thiện kĩ năng nói cho SV Á Rập Xê Út*, Alzatma [4] đã nghiên cứu những khó khăn và lợi ích mang lại cho 30 SV năm thứ nhất và thứ hai của trường Đại học Hồi giáo Gaza khi họ sử dụng ứng dụng ELSA để cải thiện kĩ năng nói. Nghiên cứu đã cho thấy sự khác biệt đáng kể trong kĩ năng nói của SV trước và sau khi sử dụng ứng dụng ELSA. Alzatma cũng đề xuất mở các khóa đào tạo ứng dụng công nghệ trong dạy học cho giáo viên cũng như đưa việc áp dụng các ứng dụng điện thoại như một phần tất yếu trong chương trình dạy học. Bahadorfar [5], Fauzi [11], Naciri [14] đều đánh giá cao vai trò của công nghệ nói chung và các ứng dụng điện thoại nói riêng trong việc cải thiện kĩ năng nói cũng như kĩ năng thuyết trình của người học. Cụ thể, các nghiên cứu trên cho thấy sự cải thiện về vốn từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp khi sử dụng các ứng dụng công nghệ đã giúp người học tự tin hơn trong giao tiếp, từ đó từng bước cải thiện kĩ năng nói của họ.

2.2. Cơ sở lí thuyết

2.2.1. Công nghệ

Theo từ điển Webster [17, tr.1374], “Công nghệ là khoa học hoặc nghiên cứu về công nghiệp, khoa học ứng dụng”. Trong cuốn *Advanced learner’s English dictionary* [2, tr.1488], “Công nghệ có liên quan

* Trường Đại học Mở Hà Nội; Email: thanhthao@hou.edu.vn

đến các phương pháp, hệ thống và thiết bị là kết quả của kiến thức khoa học được sử dụng cho mục đích thực tế”. Những định nghĩa này đều có điểm chung khi cho rằng công nghệ là khoa học hoặc khoa học ứng dụng. Trên thực tế, việc áp dụng công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ mang lại nhiều lợi ích:

- *Tạo môi trường học tập linh hoạt, thuận tiện*: Thông qua các nền tảng trực tuyến, ứng dụng di động hay video học trực tuyến, công nghệ cho phép người học tiếp cận nguồn tài liệu và học mọi lúc, mọi nơi.

- *Tạo động lực và hứng thú trong học tập*: Công nghệ giúp giáo viên thiết kế bài giảng một cách sinh động hơn. Các ứng dụng học ngoại ngữ, game học từ vựng hay các video học có thể giúp người học duy trì sự hứng thú và động lực học.

- *Tạo môi trường học thực tế*: Các công cụ như video, âm thanh, hội thoại trực tuyến giúp người học làm quen với cách sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế, từ đó nâng cao khả năng giao tiếp tự nhiên và hiệu quả.

- *Giúp theo dõi tiến độ học tập*: Các nền tảng học trực tuyến thường cung cấp các công cụ để theo dõi và đánh giá tiến độ học tập của người học. Điều này giúp giáo viên nhận ra được những điểm mạnh, yếu trong quá trình học để điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp.

- *Rút ngắn khoảng cách địa lý*: Các ứng dụng, nền tảng học trực tuyến có thể kết nối người học từ khắp nơi trên thế giới, tạo cơ hội thực hành ngôn ngữ và mở rộng giao lưu quốc tế.

Tóm lại, công nghệ không chỉ giúp việc học ngoại ngữ trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn mà còn giúp tạo ra một môi trường học tập năng động, linh hoạt và đầy sáng tạo.

2.2.2. Kỹ năng nói

Theo Almutari và Alghammas [3], kỹ năng nói tiếng Anh được chia thành hai loại: (1) lưu loát (*fluency*), là khả năng tạo ra ý tưởng, từ và cụm từ một cách trôi chảy và liên tục mà không có những khoảng dừng gây nhầm lẫn khi nói; (2) độ chính xác (*accuracy*), là khả năng của người học trong việc sử dụng từ ngữ trong ngữ cảnh chính xác, chọn giọng điệu phù hợp với chủ đề của cuộc trò chuyện [8].

Kỹ năng nói bao gồm các yếu tố sau:

- *Phát âm (pronunciation)*: cách các từ hoặc âm thanh được tạo ra chính xác theo các nguyên tắc của âm thanh, tức là nhấn mạnh, đồng hoá, ngữ điệu, v.v. Phát âm rất quan trọng trong việc thay đổi nghĩa và lỗi phát âm có thể dẫn đến truyền đạt thông điệp sai và ảnh hưởng trực tiếp đến giao tiếp [1].

- *Ngữ pháp (grammar)*: là tiêu chuẩn đo lường đầu ra và năng lực ngôn ngữ của người học.

- *Từ vựng (vocabulary)*: “Không có ngữ pháp, không thể truyền đạt được nhiều điều và không có từ vựng, không thể truyền đạt được gì”.

- *Trôi chảy (fluency)*: một trong những yếu tố tương đồng giữa người nói một ngoại ngữ và người bản xứ [6].

- *Hiểu (comprehension)*: bao gồm việc biết mọi thứ về chủ đề mà người ta sẽ nói hoặc viết, v.v.

2.2.3. Phương pháp dạy kỹ năng nói

- *Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp (Communicative Language Teaching)*

Theo Richards & Rodgers [15] đây là phương pháp dạy học trong đó giáo viên chú trọng vào việc phát triển khả năng ngôn ngữ cho SV thông qua việc khuyến khích SV sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế để giúp các em nâng cao khả năng phản xạ và biểu đạt trong giao tiếp.

- *Giảng dạy ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching)*

Đây là phương pháp dạy học nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của SV thông qua việc sử dụng ngôn ngữ đích (*target language*) trong các tình huống giao tiếp thực tế trong lớp học, ưu tiên độ trôi chảy (*fluency*) [14].

- *Phương pháp lấy người học làm trung tâm (Learner-Centered Teaching)*

Theo quan điểm của Nunan [14], để phát triển kỹ năng giao tiếp cho SV, giáo viên cần lấy SV làm trung tâm. Quá trình dạy học cần dựa trên nhu cầu và mục tiêu của SV. Giáo viên luôn tạo cho SV cơ hội làm việc và tương tác trên lớp, khuyến khích SV tự học và tự điều chỉnh phương pháp tự học.

3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát là 126 SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh, niên khóa 2023 - 2027, Khoa tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội. Đa số SV đều được học tiếng Anh ở cấp trung học phổ thông (THPT) (chủ yếu là ngữ pháp, từ vựng và đọc hiểu). Các SV tham gia khảo sát đã hoàn thành học phần

Nói 1, 2, 3 và đang học Nói 4 với giáo trình *English File-upper-intermediate* của nhà xuất bản Oxford. Thời lượng học tập là 2,5 tiết nói/tuần.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định lượng là phương pháp nghiên cứu chính của bài viết. Ngoài ra, các thủ pháp phân tích, tổng hợp cũng được tác giả sử dụng để tìm hiểu cách SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh sử dụng công nghệ trong quá trình học kỹ năng nói cũng như tìm ra những khó khăn mà SV gặp phải trong quá trình học Nói 4. Từ đó đề xuất một số giải pháp nói chung và giải pháp về công nghệ nói riêng để giúp SV nâng cao hiệu quả học kỹ năng nói.

3.3. Câu hỏi nghiên cứu

Dữ liệu khảo sát những khó khăn cũng như thuận lợi của SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh trong quá trình học kỹ năng nói được thu thập qua phiếu điều tra gồm 19 câu hỏi, được chia làm 4 phần. Trong đó, phần 1 gồm những câu hỏi về giới tính, độ tuổi, nơi sinh và thời gian học tiếng Anh của SV; Phần 2 là những câu hỏi về lợi ích của áp dụng công nghệ trong quá trình học tiếng Anh; Phần 3 là những câu hỏi liên quan đến những yếu tố ảnh hưởng đến SV trong quá trình học kỹ năng nói; Câu hỏi khảo sát trong phần 4 giúp tác giả tìm hiểu những khó khăn của SV khi học kỹ năng nói 4.

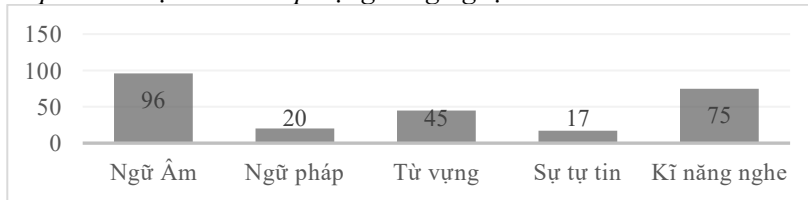
4. Kết quả và thảo luận

Kết quả phân tích bảng khảo sát đối với 126 SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh được chia làm 4 phần theo thứ tự miêu tả sau đây:

Phần 1: Những thông tin cơ bản về SV

Có 72,4% số SV tham gia khảo sát là nữ, chỉ có 27,6% là nam. Đa số SV (88,7%) có trên 3 năm học tiếng Anh. Trong số 126 SV, 56,3% đến từ các thành phố lớn và hơn 40% số SV đến từ các vùng nông thôn. Nơi sinh khác nhau cũng ảnh hưởng đến quá trình học tập của SV do môi trường, điều kiện học tập ngoại ngữ ở mỗi vùng là khác nhau.

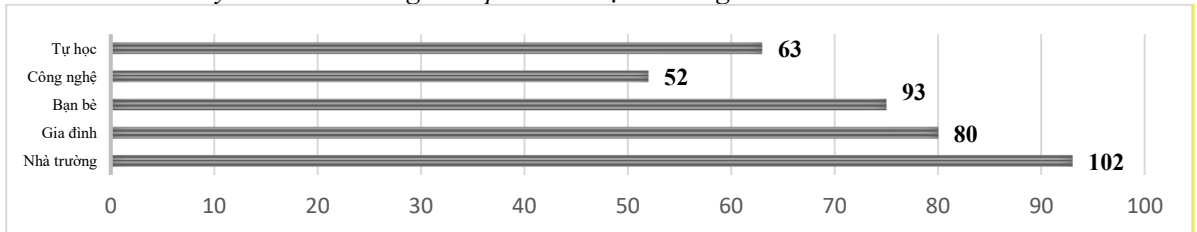
Phần 2: Liên quan đến lợi ích của áp dụng công nghệ



Biểu đồ 1. Lợi ích của việc áp dụng công nghệ

Biểu đồ 1 cho thấy quan điểm của SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh về lợi ích của việc áp dụng công nghệ trong học tập. Hơn 2/3 số SV tham gia khảo sát (96/126) cho rằng công nghệ giúp các em cải thiện ngữ âm (76,19%) và 75 SV (59,52%) cho rằng công nghệ giúp nâng cao hiệu quả học kỹ năng nghe. 35,71% số SV áp dụng công nghệ trong học tập giúp họ nâng cao vốn từ vựng (45/126 SV). Chỉ có 15,87% và 13,49% số SV nhận thấy vai trò của công nghệ trong sự cải thiện ngữ pháp và sự tự tin khi giao tiếp.

Phần 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học kỹ năng nói của SV

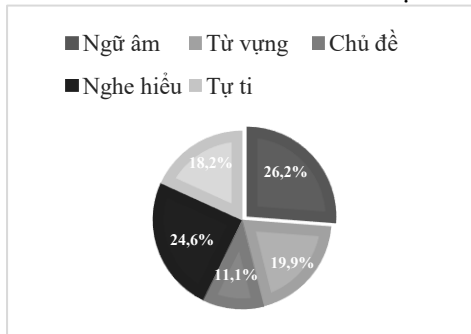


Biểu đồ 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học kỹ năng nói

Biểu đồ 2 cho thấy các yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình học kỹ năng nói của SV năm thứ hai ở Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Có 80,95% số SV tham gia khảo sát cho rằng nhà trường đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình học tập của họ (102 SV). Trong đó vai trò của giảng viên hướng dẫn, hỗ trợ và định hướng cho SV chiếm 45%, thư viện khoa là 20,05% và câu lạc bộ tiếng Anh là 15,9%. Điều này cho thấy tính tự học của SV tham gia khảo sát là chưa cao. Cụ thể,

SV chưa biết khai thác nguồn tài liệu phong phú trong thư viện để học tập và nghiên cứu. Bên cạnh đó, chỉ có 15,9% tận dụng được cơ hội tham gia câu lạc bộ tiếng Anh để trau dồi, cải thiện tiếng Anh nói chung và kỹ năng nói nói riêng. Tiếp theo là bạn bè, thông qua các hoạt động học nhóm (group work), học theo cặp (pair work) cả trong lớp và ngoài lớp đã giúp SV cải thiện kỹ năng nói với 93 sinh viên lựa chọn, chiếm 73,81%. Ảnh hưởng từ gia đình đối với quá trình học của số người tham gia khảo sát đứng ở vị trí thứ ba, chiếm 63,49% cao hơn 13,49% so với vai trò tự học ở vị trí thứ tư. Mặc dù có rất nhiều ứng dụng công nghệ có thể giúp SV học tiếng Anh cũng như cải thiện kỹ năng nói, nhưng một vài SV chưa chọn được ứng dụng phù hợp. Bên cạnh đó, một số SV tham gia khảo sát nói rằng công nghệ ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực đến quá trình học. Họ cho rằng bị sao nhãng bởi một số nội dung trên internet khi đang sử dụng công nghệ trong học tập.

Phần 4: Khó khăn của SV khi học kỹ năng nói



Biểu đồ 3. Khó khăn của SV khi học kỹ năng nói

Những khó khăn của SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh khi học kỹ năng nói 4 được thể hiện trong biểu đồ 3. Khó khăn thứ nhất là ngữ âm với 26,2%, cao hơn xấp xỉ 2% so với khó khăn thứ hai là nghe hiểu khi SV giao tiếp hoặc xem phim các bộ phim tiếng Anh. Thiếu vốn từ và thiếu sự tự tin khi giao tiếp là những khó khăn ở vị trí thứ ba và thứ tư với lần lượt là 19,9% và 18,2%. Chỉ có 11,1% số SV cho rằng chủ đề nói khó hoặc không quen thuộc gây trở ngại cho họ trong giao tiếp.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy số SV tham gia khảo sát nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích của việc áp dụng công nghệ trong quá trình học tiếng Anh nói chung và học kỹ năng nói 4 nói riêng. Cụ thể, công nghệ giúp SV cải thiện ngữ âm, nâng cao hiệu quả học kỹ năng nghe, từ vựng, ngữ pháp và sự tự tin (biểu đồ 1). Tuy nhiên, SV năm thứ hai ở khoa tiếng Anh vẫn gặp phải những khó khăn hay rào cản khi học kỹ năng nói 4 do chưa tìm được ứng dụng công nghệ phù hợp, khả năng tự học chưa cao, thiếu sự luyện tập.

Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học kỹ năng nói 4 của SV cũng được phân tích trong kết quả khảo sát. Bên cạnh những yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến quá trình học tập và cải thiện kỹ năng nói 4 của SV như nhà trường, gia đình, bạn bè và khả năng tự học thì cũng có những yếu tố vừa có tác động tích cực vừa có tác động tiêu cực như công nghệ.

5. Ứng dụng công nghệ trong quá trình dạy và học kỹ năng nói 4

5.1. Công nghệ trong quá trình dạy kỹ năng nói 4

Để có một giờ học nói hiệu quả, cần sự nỗ lực từ phía giảng viên và SV. Về phía giảng viên, giảng viên phải là người luôn tiên phong trong việc áp dụng công nghệ trong thiết kế bài giảng và các hoạt động trên lớp để tạo động lực và hứng thú cho SV trong các giờ học kỹ năng nói 4. Thay vì việc sử dụng đài để bật âm thanh nghe cho SV, giảng viên có thể cho SV xem video về chủ đề đang dạy trên lớp. Khi xem, SV có thể vừa nghe vừa xem cách người bản ngữ sử dụng ngôn ngữ cử chỉ khi giao tiếp.

Giảng viên phải là người luôn làm chủ được các thiết bị công nghệ trên lớp như máy chiếu, ti vi, đài đĩa, v.v. Để tạo sự hứng thú cho SV trong lớp học, giảng viên có thể sử dụng các ứng dụng trò chơi (gamification). Quizizz là một ứng dụng giảng viên có thể sử dụng để cung cấp từ vựng về một chủ đề sắp dạy trên lớp hoặc kiểm tra SV những kiến thức, từ vựng, ngữ âm, ... của bài cũ. Quizizz không chỉ giúp giảng viên đánh giá được kiến thức nền của SV về chủ đề sắp học qua phần đoán từ mà còn giúp giảng viên củng cố, ôn tập lại kiến thức của bài cũ cho SV. Đối với SV, các em sẽ không cảm thấy bị áp lực khi thầy, cô kiểm tra bài cũ, ngược lại các em sẽ thấy hào hứng khi vừa được chơi, vừa được học.

Bên cạnh việc áp dụng các công nghệ trong giảng dạy, giảng viên có thể hướng dẫn, giới thiệu một số ứng dụng công nghệ để khuyến khích SV tự học. Giảng viên có thể giới thiệu cho SV một số ứng dụng công nghệ miễn phí dưới đây.

Các ứng dụng giúp cải thiện phát âm và độ lưu loát

Speechling là ứng dụng giúp SV cải thiện khả năng phát âm và nói trôi chảy. Ứng dụng *Speechling* có thể phản hồi hàng ngày về các bản ghi âm, cũng như các bài tập phát âm của SV.

Ứng dụng *Elsa Speak* sử dụng AI để đưa ra phản hồi nhanh và chi tiết về cách phát âm cho SV. Ngoài ra, ứng dụng này còn làm nổi bật những âm mà SV gặp khó khăn và cách khắc phục chúng.

Các ứng dụng giúp giao tiếp tự nhiên

HelloTalk là phần mềm luyện nói tiếng Anh với người nước ngoài. Đây là ứng dụng luyện nói tiếng Anh phổ biến giúp SV kết nối với bạn bè trên toàn thế giới để cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghe và phát âm. Bên cạnh đó, SV cũng có thể cải thiện kỹ năng viết tiếng Anh của mình nhờ vào vốn từ vựng khổng lồ mà ứng dụng cung cấp.

Memrise là ứng dụng luyện nói tiếng Anh hiệu quả, giúp SV phát triển tư duy ngôn ngữ. Giao diện *Memrise* thân thiện với người dùng, mang đến trải nghiệm học tập thú vị thông qua các trò chơi nhỏ hấp dẫn. Bên cạnh đó, nội dung *Memrise* đa dạng và gần gũi với giao tiếp thực tế. SV có thể luyện nói thông qua các cuộc hội thoại bằng tiếng Anh. Ngoài ra, *Memrise* cung cấp nguồn từ vựng tiếng Anh khổng lồ và phù hợp với mọi lứa tuổi.

English Conversation Practice là ứng dụng luyện nói tiếng Anh với nhiều chủ đề đa dạng, giúp SV có thể áp dụng ngay vào cuộc sống hằng ngày. Hệ thống bài học được tổ chức dưới dạng trắc nghiệm, trò chơi, hội thoại tương tác tạo sự hứng thú cho SV hoặc người dùng, giúp họ tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn.

Các ứng dụng giúp cải thiện vốn từ vựng

Duolingo là một ứng dụng học ngôn ngữ phổ biến bao gồm các bài tập nói, trong đó SV lặp lại các cụm từ và luyện phát âm bằng cách sử dụng nhận dạng giọng nói. Ứng dụng *Duolingo* mang đến cho SV các bài học ngắn gọn, luyện nói tích hợp với các kỹ năng ngôn ngữ khác và học tập theo trò chơi. *Duolingo* có hệ thống từ vựng được chia theo chủ đề, bài luyện tập và kiểm tra giúp SV cải thiện về từ vựng cũng như kỹ năng nghe của mình.

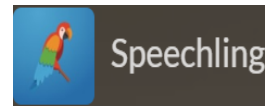
Ứng dụng *Anki* cung cấp các thẻ nhớ thông minh bao gồm cách phát âm các từ vựng giúp SV ghi nhớ được từ dễ dàng hơn.

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, giảng viên nên tiếp tục đa dạng, đổi mới phương pháp giảng dạy. Giảng viên có thể khuyến khích SV nói thông qua một số chủ đề quen thuộc hoặc nhập vai trong một số tình huống nhất định. Điều này giúp SV cải thiện phát âm và tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh.

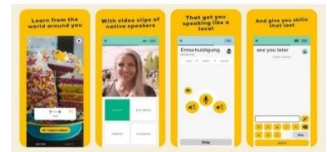
5.2. Công nghệ trong quá trình học kỹ năng nói 4

Một trong những điều đầu tiên mà SV nên làm để đạt được thành công trong việc học kỹ năng nói là đặt ra mục tiêu rõ ràng. Tùy thuộc vào lịch trình của từng SV, SV có thể chọn thời gian cụ thể để luyện nói. Luyện nói khoảng 15 - 20 phút mỗi ngày giúp SV tự tin hơn và tăng khả năng nói trôi chảy. Để làm được điều này, SV cần chọn ứng dụng công nghệ phù hợp để tự học nói tại nhà cũng như giúp nâng cao vốn từ vựng, ngữ âm,...

Để tăng cường sự tự tin và khả năng nói lưu loát, SV phải luyện tập hàng ngày. Một trong những phương pháp tốt nhất để cải thiện khả năng nói của SV là bắt chước. Đây là phương pháp luyện nói tiếng Anh hiệu quả bằng cách bắt chước âm thanh, trọng âm và ngữ điệu của người bản xứ. Điều đầu tiên mà SV cần làm là chọn những video có độ dài phù hợp với sở thích của họ. Tiếp theo, thỉnh thoảng nghe lại video và đảm bảo rằng họ hiểu rõ nội dung video. Sau đó, nghe và lặp lại các câu và cố gắng



Memrise



thêm trọng âm và ngữ điệu của câu như người bản xứ trong video. Cuối cùng, ghi lại video và tự đánh giá. Chiến lược này rất hữu ích vì nó kích hoạt cơ chế “suy nghĩ bằng tiếng Anh” thay vì “suy nghĩ bằng ngôn ngữ mẹ đẻ rồi dịch sang tiếng Anh”. Đồng thời, SV có thể ghi chú lại một số từ mới trong video, giúp các em mở rộng vốn từ vựng, cải thiện ngữ pháp và phát âm. Ngoài ra, các em có thể chọn một số video trên BBC Learning English và TED Talks để bắt chước. Các kênh này cung cấp nội dung với cách phát âm chính xác và chuẩn, đồng thời cung cấp vốn từ vựng phong phú về nhiều chủ đề khác nhau.

6. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu cho thấy SV năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội nhận thức được vai trò của công nghệ trong quá trình học tập nói chung và học kỹ năng nói 4 nói riêng. Tuy nhiên, các em vẫn gặp phải một số khó khăn khi học nói 4 như thiếu vốn từ, phát âm chưa đúng, thiếu sự tự tin, v.v. Những khó khăn trên chủ yếu bắt nguồn từ thiếu sự thực hành, khả năng tự học chưa cao và chưa tìm được ứng dụng công nghệ phù hợp.

Nghiên cứu đã gợi ý một số phần mềm nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học kỹ năng nói 4 cho SV năm thứ hai khoa tiếng Anh. Bên cạnh việc không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy bằng việc áp dụng các ứng dụng công nghệ hiện đại, giảng viên phải là người hướng dẫn, giám sát cũng như khích lệ SV trong quá trình học kỹ năng nói 4 trên lớp và ngoài lớp học. Đối với SV, các em cần đặt ra mục tiêu học rõ ràng, thực hành nói và nghe tiếng Anh hàng ngày thông qua các ứng dụng công nghệ. Ngoài ra, SV cần tích cực, chủ động tham gia vào các câu lạc bộ tiếng Anh hay các cuộc thi tiếng Anh để trau dồi kiến thức cũng như cải thiện sự tự tin khi nói, giao tiếp bằng tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adila, S., & Refnaldi, R. *Pronunciation errors made by senior high school*. Journal of English Language Teaching, 8(3), 63-72. 2019.
2. *Advanced learner's English dictionary*. HarperCollins Publisher. 2003.
3. Almutari, R. T., & Alghammas, A.A. *The Effectiveness of Using ELSA App on Improving Saudi Students' English-Speaking Skills*. International Journal of English Linguistics; Vol. 15, No. 1; 2025. <https://doi.org/10.5539/ijel.v15n1p140>.
4. Alzatma, A. A., & Khader, K. *Using mobile apps to improve English speaking skills of EFL students at the Islamic University of Gaza*. Linguistics, 1(2), 1-96. 2020.
5. Bahadorfar, M., & Omidvar, R. *Technology in teaching speaking skill*. Acme International Journal of Multidisciplinary Research, 2(4), 9-13. 2014.
6. Biancarosa, G., & Shanley, L. What is fluency? In *The fluency construct: Curriculum-based measurement concepts and applications* (pp.1-18). 2016. <https://doi.org/10.1007/978-1-4939-2803-3>.
7. Collins, J., Hammond, M., & Wellington, J. *Teaching and learning with multimedia*. New York: Routledge Publisher. 2002.
8. Derakhshan, A., Khalili, A. N., & Beheshti, F. *Developing EFL learner's speaking ability, accuracy and fluency*. English Language and Literature Studies, 6(2), 177-186. 2016. <https://doi.org/10.5539/ells.v6n2p177>
9. Eshankulovna, R. A. *Modern technologies and mobile apps in developing speaking skill*. Linguistics and Culture Review, 5(S2), 1216-1225. 2021. <https://doi.org/10.21744/lingcure.v5nS2.1809>
10. Fauzi, I. *The application of multimedia-based presentation in improving students' speaking skill*. Journal of ELT Research, 1(1), 103-112. 2016.
11. Harmer, J. *The practice of English language teaching* (4th ed.). Pearson Longman. 2007.
12. Latham, C., and Oxendern, C. *English File Upper-Intermediate*. Oxford University Press. 2014.
13. Naciri, H. *The use of ICTs to enhance students' speaking skills*. In Conference Proceedings. Innovation in Language Learning. 2019.
14. Nunan, D. *Task-based language teaching*. Cambridge University Press. 2004.
15. Richards, J. C., & Rodgers, T. S. *Approaches and methods in language teaching* (2nd ed.). Cambridge University Press. 2001.
16. Shankulovna, R. A. *Modern technologies and mobile apps in developing speaking skill*. Linguistics and Culture Review, 1216-1225. 2021. <https://doi.org/10.21744/lingcure.v5nS2.1809>.
17. *Webster's New World College Dictionary*. Macmillan: USA. 1996.